

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/DS-PT

Ngày: 16-7-2020

V/v kiện đòi tài sản và tranh chấp  
hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “*Kiện đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2020/QĐ-PT ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Ánh Ng, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: thôn HL, KL, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: LBB, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: TDP ĐA, thị trấn NB, huyện LH, Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: TDP ĐA, thị trấn NB, huyện LH, Lâm Đồng (theo văn bản uỷ quyền ngày 15/7/2020).

*3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Bùi Thanh A, sinh năm: 1978.

Hộ khẩu thường trú: Lô B1, chung cư A 1, AP, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: thôn HL, KL, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: TDP ĐA, thị trấn NB, huyện LH, Lâm Đồng.

3.3. Ngân hàng thương mại cổ phần T

Trụ sở: Tòa nhà T, phố L, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh Ph – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Vũ L – Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ - Khối KHCN, theo văn bản Ủy quyền số 29/2018/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/12/2018.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lê Thành Ph, sinh năm 1991. Chức vụ: Chuyên viên tố tụng. Địa chỉ: Lầu 5, HG, Phường N, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 207/2019/UQ-TPB.NHCN.THN ngày 07/5/2019).

4. *Người kháng cáo:* Ông Đặng Thanh H – bị đơn.

*(Bà Ng, bà Đ, ông Ph có mặt tại phiên tòa, ông H, ông A vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Bùi Thị Ánh Ng trình bày:* Vào ngày 25/01/2018 bà có thể chấp tài sản là chiếc xe ô tô KIA Sorento 7 chỗ mang biển kiểm soát 72A-23525, số máy G4KEGH729455, số khung: RNYXM51A6HC102261 cho ngân hàng TMCP T chi nhánh Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 737.000.000đ theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 622/2017/HĐTD/TTB MN3/01 ngày 15/12/2017 (theo hợp đồng tín dụng số 083CL01173600001).

Đến ngày 14/8/2018, ông Đặng Thanh H ép bà làm giấy cam kết giao chiếc xe ô tô nêu trên cho ông H với mục đích dùng chiếc xe trên để cầm trừ số tiền 200.000.000đ mà anh trai của bà là ông Bùi Thanh A vay của ông H, sau khi nhận xe thì ông H phải có trách nhiệm tiếp tục trả số tiền mà bà đã vay của Ngân hàng TMCP T đến khi thanh toán xong số tiền vay Ngân hàng. Việc bà giao xe cho ông H để trừ nợ cho ông A thì ông A và Ngân hàng T không biết. Tuy nhiên, từ khi bà Ng giao xe cho ông H cho đến nay ông H không thanh toán tiền cho Ngân hàng.

Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải giao trả chiếc xe ô tô KIA Sorento 7 chỗ mang biển kiểm soát 72A-235.25 cho bà.

*Bị đơn ông Đặng Thanh H trình bày:* Trước đây ông A là anh trai của bà Ng có vay của ông 200.000.000đ. Ngày 14/8/2018 bà Ng đã tự nguyện viết giấy cam kết giao cho ông chiếc ô tô KIA Sorento 7 chỗ mang biển kiểm soát 72A-235.25, số máy G4KEGH729455 để cân trừ số nợ của ông A. Việc bà Ng nhận trả nợ thay cho ông A là hoàn toàn tự nguyện, không có việc ông ép buộc bà Ng viết, ký vào giấy cam kết ngày 14/8/2018. Khi lập giấy cam kết này thì hai bên cũng đã ghi trong giấy cam kết ông sẽ có trách nhiệm tiếp tục trả số tiền mà bà Ng đã vay của Ngân hàng TMCP T đến khi thanh toán xong số tiền vay Ngân hàng nhưng bà Ng không giao giấy biên nhận thế chấp xe cho ông nên ông không thể sử dụng xe lưu thông như bình thường được nên ông không thực hiện theo cam kết. Hiện nay ông đang trực tiếp quản lý sử dụng chiếc xe này.

Nay bà Ng khởi kiện yêu cầu ông trả lại cho bà Ng chiếc xe trên thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả lại chiếc xe trên cho bà Ng với điều kiện bà Ng trả lại cho ông 325.000.000đ trong đó 200.000.000đ ông A nợ ông và 125.000.000đ do vợ ông là bà Dương Thị Đ chuyển qua tài khoản cho bà Ng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Đ trình bày:* Khoảng tháng 01/2018 bà Đ có chuyển vào tài khoản của bà Ng số tiền 125.000.000đ, cụ thể bà chuyển khoản cho bà Ng 100.000.000đ tại Ngân hàng BIDV Nam Ban và 25.000.000đ qua Emobile Banking. Bà không biết việc làm ăn giữa chồng bà là ông H với bà Ng, ông A cụ thể thế nào, ông H nói bà chuyển thì bà chuyển. Vì vậy, việc ông H yêu cầu ông A, bà Ng phải trả số tiền trên cho ông H thì bà không có ý kiến, không có yêu cầu gì. Ngoài ra, bà Đ không trình bày gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T do ông Lê Thành Ph đại diện tham gia tố tụng trình bày:* Vào ngày 15/12/2017 Ngân hàng TMCP T và Bùi Thị Ánh Ng có ký kết hợp cho vay kiêm thế chấp ô tô số 622/2017/HDTD/TTB MN3/01 theo đó Ngân hàng cho bà Ng vay số tiền là 737.000.000đ thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày 16/12/2017, mục đích vay vốn mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô KIA Sorento 7 chỗ mang biển kiểm soát 72A-235.25, số máy G4KEGH729455, số khung: RNYXM51A6HC102261 đứng tên bà N. Đến ngày 25/12/2018 bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo phân kỳ trả nợ từng tháng, bà Ng sử dụng tài sản bảo đảm không đúng mục đích vay, không hoàn trả đúng và đủ dư nợ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Ng phải thanh toán cho TP bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng cho vay tạm tính đến 01/11/2019 là 718.275.075đ (trong đó nợ

gốc còn lại là 624.402.779đ, lãi quá hạn là 62.204.034đ, phạt quá hạn gốc là: 8.880.956đ; phạt quá hạn lãi là 4.894.726đ; phí phạt trả nợ trước hạn 15.610.069đ, lãi đến 01/11/2019 là 1.404.622đ; Dự thu lãi ngày 06/11/2019 là 2.282.511đ) và tiếp tục yêu cầu tính lãi suất cho đến thời điểm bà Ng thanh toán xong khoản nợ. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa bà Ng và Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thông báo kết quả phiên họp... nhưng ông A đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 04/2020/DS-ST ngày 20/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ánh Ng về việc kiện đòi lại tài sản. Buộc ông Đặng Thanh H phải giao trả cho bà Ng chiếc xe ô tô Kia Sorento 7 chỗ, biển số 72A-235.25, số máy G4KEGH729455, số khung RNYXM51A6HC102261.

Hủy giấy cam kết về việc giao xe lập ngày 14/8/2018 giữa bà Bùi Thị Ánh Ng và ông Đặng Thanh H.

**2.** Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bà Bùi Thị Ánh Ng.

Buộc bà Bùi Thị Ánh Ng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ gốc 624.402.779đ và lãi tính đến ngày 20/3/2020 là 115.144.938đ, tổng cộng là 739.547.717đ. Bà Bùi Thị Ánh Ng tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho vay đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần T cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 622/2017/HDTD/TTB MN3/01 ngày 15/12/2017 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần thương mại T – Chi nhánh Bến Thành và bà Bùi Thị Ánh Ng cho đến khi bà Ng trả xong nợ cho Ngân hàng.

**3.** Về án phí: Buộc ông Đặng Thanh H phải chịu 38.267.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Ánh Ng phải chịu 33.582.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 18.000.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Ng đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000952 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Như vậy, bà Ng còn phải nộp 15.582.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T 15.045.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001225 ngày 31/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án.

Ngày 20/4/2020 bị đơn ông Đặng Thanh H kháng cáo yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 325.000.000đ và khi đó ông sẽ hoàn trả xe.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bà Đ là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Ng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Ông Ph đại diện Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H. Tuy nhiên, bà Ng khởi kiện ông H phải trả lại chiếc xe ô tô là kiện đòi tài sản, không tranh chấp về bồi thường thiệt hại nên ông H chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ nhưng cấp sơ thẩm buộc ông H phải chịu 38.267.500đ án phí dân sự sơ thẩm là gây thiệt hại cho ông H. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí; các phần khác của bản án giữ nguyên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Do ông Đặng Thanh H không thực hiện đúng cam kết ngày 14/8/2018 giữa bà Ng và ông H nên bà Ng yêu cầu Toà án buộc ông H phải trả chiếc xe ô tô KIA Sorento 7 chỗ mang biển kiểm soát 72A-235.25 cho bà. Ông H chỉ đồng ý trả lại chiếc xe trên cho bà Ng với điều kiện bà Ng trả lại cho ông 325.000.000đ trong đó 200.000.000đ do anh trai của bà Ng là ông Bùi Thanh A vay của ông H, số còn lại 125.000.000đ là của vợ chồng ông H, bà Đ chuyển cho bà Ng do đó các bên phát sinh tranh chấp. Đồng thời, do bà Ng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và sử dụng tài sản bảo đảm không đúng mục

đích nên Ngân hàng Thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ng trả nợ số tiền gốc là 624.402.779đ cùng với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp là “*Kiện đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông H thì thấy rằng:

Ngày 15/12/2017 bà Ng ký Hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô KIA Sorento 7 chỗ mang biển kiểm soát 72A-23525, cho ngân hàng TMCP T, chi nhánh Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 737.000.000đ. Đến ngày 14/8/2018 bà Ng lại làm giấy cam kết giao chiếc xe trên cho ông H để cầm trả khoản tiền 200.000.000đ mà ông A là anh trai bà Ng nợ ông H và thỏa thuận để ông H trả toàn bộ số tiền nợ của bà Ng cho Ngân hàng. Như vậy, giữa bà Ng và ông H thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ nhưng không được sự đồng ý của bên có quyền là ngân hàng. Mặt khác, việc bà Ng giao chiếc xe ô tô là tài sản đã thế chấp ngân hàng cho ông H thì cũng không thông báo và không được ngân hàng đồng ý. Hơn nữa, sau khi nhận xe thì ông H không thực hiện việc trả nợ vay cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Do đó, cấp sơ thẩm xác định cam kết giữa bà Ng với ông H là vô hiệu và buộc ông H trả xe cho bà Ng là có căn cứ.

Đối với việc ông H yêu cầu bà Ng trả số tiền 325.000.000đ trong đó 200.000.000đ là tiền ông A anh trai bà Ng nợ ông và 125.000.000đ do vợ ông là bà Dương Thị Đ chuyển vào tài khoản của bà Ng. Theo hồ sơ thể hiện, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông H có đơn phản tố về nội dung trên. Tòa án đã thông báo cho ông H nộp tiền tạm ứng án phí và tổng đạt hợp lệ cho ông H thông báo trên (BL 117) nhưng ông H không nộp. Do đó, cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của ông H là có cơ sở. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H. Ông H có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Đây là vụ án kiện đòi tài sản, ông H phải giao trả cho bà Ng chiếc xe là do cam kết ngày 14/8/2018 giữa hai bên bị vô hiệu, các bên không tranh chấp về bồi thường thiệt hại. Theo quy định tại khoản 1, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông H chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ. Cấp sơ thẩm buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.267.500đ là không đúng nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Buộc ông H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

Do sửa án nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;  
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Thanh H, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ánh Ng về việc kiện đòi lại tài sản.

Buộc ông Đặng Thanh H phải giao trả cho bà Bùi Thị Ánh Ng chiếc xe ô tô Kia Sorento 7 chỗ, biển số 72A-235.25, số máy G4KEGH729455, số khung RNYXM51A6HC102261.

Hủy giấy cam kết về việc giao xe lập ngày 14/8/2018 giữa bà Bùi Thị Ánh Ng và ông Đặng Thanh H.

**2.** Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bà Bùi Thị Ánh Ng.

Buộc bà Bùi Thị Ánh Ng phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ gốc 624.402.779đ và lãi tính đến ngày 20/3/2020 là 115.144.938đ, tổng cộng là 739.547.717đ. Bà Bùi Thị Ánh Ng tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cho vay đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần T cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 622/2017/HDTD/TTB MN3/01 ngày 15/12/2017 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần thương mại T – Chi nhánh Bến Thành và bà Bùi Thị Ánh Ng cho đến khi bà Ng trả xong nợ cho Ngân hàng.

**3.** Về án phí:

Buộc bà Bùi Thị Ánh Ng phải chịu 33.582.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 18.000.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000952 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà Ng còn phải nộp 15.582.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Đặng Thanh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007381 ngày 06/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông H đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T 15.045.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001225 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**